



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 1A.5.2/TĐTKT-KB

Mã số thuế

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHO BÃI, BỐC XẾP, HỖ TRỢ VẬN TẢI Năm 2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp đơn/cơ sở có hoạt động kho bãi, bốc xếp, hỗ trợ vận tải)

Tên doanh nghiệp/cơ sở:

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Địa chỉ: *CQ Thống kê ghi*

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:.....

Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh)

Ngành SXKD chính:.....

(VSIC 2007-Cấp 5)

Loại hình cơ sở

- Doanh nghiệp đơn
- Cơ sở trực thuộc doanh nghiệp
- Trụ sở chính có hoạt động SXKD
- Cơ sở SXKD trực thuộc cơ quan hành chính, sự nghiệp

Tổng số lao động thời điểm 01/01/2016:

Người

Trong đó: Nữ

Người

Tổng số lao động thời điểm 31/12/2016:

Người

Trong đó: Nữ

Người

I. Kho, bãi lưu giữ hàng hóa

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra			
			Kho ngoại quan	Kho đông lạnh	Kho khác	Bãi lưu giữ hàng hóa
A	B	1	2	3	4	5
1. Số lượng kho có tại 31/12/2016	Kho					
2. Tổng diện tích kho dùng cho kinh doanh có tại 31/12/2016	m ²					
3. Tổng diện tích bãi dùng cho kinh doanh có tại 31/12/2016	m ²		x	x	x	
4. Tổng doanh thu thuần dịch vụ kho, bãi	Tr đồng					

II. Bốc xếp hàng hóa

Ngành đường	Doanh thu thuần (Triệu đồng)	Hàng hóa bốc xếp thông qua				Phương tiện bốc xếp có tại 31/12/2016		
		Tổng số hàng bốc xếp (1000TTQ)	Bốc xếp hàng xuất khẩu (1000TTQ)	Bốc xếp hàng nhập khẩu (1000TTQ)	Bốc xếp hàng nội địa (1000TTQ)	Loại phương tiện	Số lượng (Chiếc)	Tổng công suất (Tấn)
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Đường sắt						Xe nâng		
2. Đường bộ						Xe nâng		
3. Cảng biển						Cần cầu		
4. Cảng sông						Cần cầu		
5. Cảng hàng không						Xe nâng		

III. Dịch vụ hỗ trợ vận tải

Ngành đường	Doanh thu thuần (triệu đồng)	Hành khách qua nhà ga/cảng biển/hàng không (1000 lượt khách)	Hàng hóa qua nhà ga/cảng biển/hàng không (1000 tấn)
A	1	2	3
1. Đường sắt			
2. Đường bộ			
3. Đường biển			
4. Đường sông			
5. Đường hàng không			

Lưu ý: Đối với các đại lý bán vé vận tải hành khách chỉ khai phần doanh thu do cơ sở được hưởng vào Cột 1 và không phải khai thông tin ở Cột 2 và 3